

Bản án số: **371/2022/DS-ST**

Ngày: 29-09-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A

2. Bà Đặng Thị Hiền Thục

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N và ông Nguyễn Minh P theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N

Trụ sở: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh T – Chức danh: Chủ tịch công ty.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh D, ông Phạm An N, ông Đàm Nguyễn Trí N (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 367/2022/UQ-AMC ngày 21/05/2022).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/03/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/12/2017, ông Nguyễn Minh P đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 4754/2017/000-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là Ngân hàng). Ngân hàng đã cấp cho ông P 02 thẻ tín dụng:

Số thẻ tín dụng	: 5331 4700 0035 1100
Tài khoản số	: 600003952590001
Ngày cấp	: 26/12/2017
Loại thẻ	: MC EMV Standard Credit (Master quốc tế)
Hiệu lực thẻ	: 31/12/2020
Hạn mức thẻ	: 12.000.000 (Mười hai triệu đồng)
Lãi suất, phí	: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank. Lãi suất trong hạn là 27%/năm Lãi suất nợ quá hạn là 40,5%/năm

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.101.000 đồng.

Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 12.587.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 4.170.464 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 8.416.536 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông P đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 24/9/2021, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ của ông P sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Tính đến ngày 29/09/2022, đối với thẻ tín dụng số 5331 4700 0035 1100 ông P còn nợ Ngân hàng số tiền là: 19.939.603 đồng, trong đó: vốn gốc là 9.930.536 đồng; lãi trong hạn, phí là: 5.501.607 đồng; lãi quá hạn là 4.507.460 đồng.

Số thẻ tín dụng	: 9704 2809 0399 6245
Tài khoản số	: 300003652590002
Ngày cấp	: 26/12/2017
Loại thẻ	: LC MAG Standard Credit (Master nội địa)
Hiệu lực thẻ	: 31/12/2020

Hạn mức thẻ	: 12.000.000 (Mười hai triệu đồng)
Lãi suất, phí	: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank. Lãi suất trong hạn là 30%/năm Lãi suất nợ quá hạn là 45%/năm

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.200.000 đồng.

Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 23.489.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 18.517.625 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 4.971.375 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông P đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 24/8/2021, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ của ông P sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Tính đến ngày 29/09/2022, đối với thẻ tín dụng số 9704 2809 0399 6245 ông P còn nợ Ngân hàng số tiền là: 7.943.687 đồng, trong đó: vốn gốc là 3.682.375 đồng; lãi trong hạn, phí là 2.304.027 đồng; lãi quá hạn là 1.957.285 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP N của ông Nguyễn Minh P đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N.

Do đó, Ngân hàng TMCP N yêu cầu:

Tuyên buộc ông Nguyễn Minh P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Nam Á với ông Nguyễn Minh P tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là:

- Thẻ số: 5331 4700 0035 1100; tài khoản số: 600003952590001

- Tổng nợ gốc : 9.930.536 đồng;
- Tổng nợ lãi : 10.009.067 đồng;
- Tổng cộng : 19.939.603 đồng.

- Thẻ số: 9704 2809 0399 6245; tài khoản số: 300003652590002

- Tổng nợ gốc : 3.682.375 đồng;
- Tổng nợ lãi : 4.261.312 đồng;
- Tổng cộng : 7.943.687 đồng.

• Tổng số tiền: 27.883.290 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Nguyễn Minh P phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Minh P vẫn không trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cũng như quy định của pháp luật.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông P vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N: Buộc ông Nguyễn Minh P phải thanh toán trả số tiền nợ gốc thẻ số: 5331 4700 0035 1100 là 9.930.536 đồng, số tiền nợ gốc thẻ số: 9704 2809 0399 6245 là 3.682.375 đồng và phí, lãi trong hạn, quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông Nguyễn Minh P ký ngày 26/12/2017 thì các bên thỏa thuận địa chỉ của bị đơn tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 26/12/2017, ông Nguyễn Minh P có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần N giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 4754/2017/000-CV để sử dụng:

- Thẻ MC EMV Standard Credit (Master quốc tế), thẻ số: 5331 4700 0035 1100, tài khoản số: 600003952590001, hạn mức sử dụng 12.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.101.000 đồng. Ông P đã thanh toán tổng số tiền 12.587.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 4.170.464 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 8.416.536 đồng. Ông P còn nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 19.939.603 đồng, trong đó: vốn gốc là 9.930.536 đồng, lãi trong hạn, phí là: 5.501.607 đồng, lãi quá hạn là 4.507.460 đồng.

- Và Thẻ LC MAG Standard Credit (Master nội địa), thẻ số: 9704 2809 0399 6245, tài khoản số: 300003652590002, hạn mức sử dụng 12.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.200.000 đồng. Ông P đã thanh toán tổng số tiền 23.489.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 18.517.625 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 4.971.375 đồng. Ông P còn nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 7.943.687 đồng, trong đó: vốn gốc là 3.682.375 đồng, lãi trong hạn, phí là 2.304.027 đồng, lãi quá hạn là 1.957.285 đồng.

Xét, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ số tiền hiện còn nợ và số tiền mà bị đơn đã thanh toán, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt xem như đã tự tước bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước Tòa nên phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ. Do đó, việc nguyên đơn tự nguyện khai báo về số tiền mà bị đơn đã thanh toán, cũng như số tiền hiện còn nợ là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về lãi suất:

Xét thấy, tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ số 4754/2017/000-CV do ông P ký ngày 26/12/2017, Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của N Bank, biểu phí thẻ ghi nợ/ thẻ trả trước N Bank và Quyết định ban hành Biểu phí sản phẩm Thẻ N Bank số 605A/2016/QĐ-NHNA-16 ngày 25/08/2016 của Ngân hàng TMCP N thì giữa ông P và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất là phù hợp quy

định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán là 27.883.290 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Buộc ông Nguyễn Minh P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền còn nợ là 27.883.290 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi đồng*), trong đó:

- Thẻ MC EMV Standard Credit (Master quốc tế), thẻ số: 5331 4700 0035 1100, tài khoản số: 600003952590001 tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 19.939.603 đồng, gồm: vốn gốc là 9.930.536 đồng, lãi trong hạn, phí là: 5.501.607 đồng, lãi quá hạn là 4.507.460 đồng.

- Và Thẻ LC MAG Standard Credit (Master nội địa), thẻ số: 9704 2809 0399 6245, tài khoản số: 300003652590002 tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 7.943.687 đồng, gồm: vốn gốc là 3.682.375 đồng, lãi trong hạn, phí là 2.304.027

đồng, lãi quá hạn là 1.957.285 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.394.165 đồng (*một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng*) và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 620.331 đồng (*sáu trăm hai mươi ngàn ba trăm ba mươi một đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0018768 ngày 21/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N và ông Nguyễn Minh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân